

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH  
THÀNH THÀNH CÔNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 22./2024/CBTT-TTCT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ**

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

**1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THÀNH THÀNH CÔNG**

- Mã chứng khoán: VNG
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên hệ: 1900 55 88 55 Fax:
- E-mail:

**2. Nội dung thông tin công bố:**

Công ty Cổ phần Du Lịch Thành Thành Công công bố thông tin về việc Báo cáo tài chính soát xét bán niên năm 2024 đã được kiểm toán (theo file đính kèm)

**3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/08/2024 tại đường dẫn <https://ttchospitality.vn>**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố

Trân trọng.

**Đại diện tổ chức**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



**PHAN THỊ HỒNG VÂN**

## **Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024



# Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 50

# Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3500753423 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 7 năm 2006. Công ty sau đó cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 24 được cấp ngày 27 tháng 3 năm 2023.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch cổ phiếu là VNG theo Quyết định số 149/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 30 tháng 11 năm 2009.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày; kinh doanh thức ăn đồ uống; kinh doanh thức ăn đồ uống; nhà hàng và dịch vụ ăn uống; dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; tổ chức sự kiện; kinh doanh đại lý thu đổi ngoại tệ, đại lý du lịch; buôn bán thực phẩm.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 253, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phan Thị Hồng Vân	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Lê Hùng	Phó Chủ tịch HĐQT	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024
	Thành viên	đến ngày 24 tháng 4 năm 2024
Bà Trần Thiện Thanh Thùy	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024
Bà Huỳnh Thị Nga	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024
Ông Vũ Viết Bản	Thành viên	miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024
Bà Hồ Thị Phương Thảo	Thành viên	miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024
Bà Nguyễn Thùy Vân	Thành viên độc lập	

### TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Bà Châu Thị Kim Phước.

### ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán ("UBKT") trực thuộc Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thùy Vân	Chủ tịch	
Bà Trần Thiện Thanh Thùy	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024
Bà Huỳnh Thị Nga	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024
Ông Vũ Viết Bản	Thành viên	miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024
Bà Hồ Thị Phương Thảo	Thành viên	miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Bà Phan Thị Hồng Vân.

Bà Châu Thị Kim Phước được Bà Phan Thị Hồng Vân ủy quyền để ký báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định số 17/2024/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 7 năm 2024.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

### TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 đề ngày 29 tháng 8 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.



Châu Thị Kim Phước  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

Số tham chiếu: 11950306/E-67722224-LR

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công ("Công ty") được lập ngày 29 tháng 8 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 50, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đi kèm.

### ***Trách nhiệm của Tổng Giám đốc***

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Nguyễn Quốc Hoàng  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 2787-2022-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>664.275.994.258</b>	<b>442.241.132.659</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>26.989.456.027</b>	<b>60.076.807.586</b>
111	1. Tiền		23.989.456.027	50.076.807.586
112	2. Các khoản tương đương tiền		3.000.000.000	10.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>12.000.000.000</b>	<b>12.000.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	12.000.000.000	12.000.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>623.495.297.816</b>	<b>368.416.727.091</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	131.260.856.669	27.509.560.827
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	95.490.559.426	61.800.461.972
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	129.940.500.000	110.047.500.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	267.965.890.572	170.221.713.143
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 7, 9	(1.162.508.851)	(1.162.508.851)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>10</b>	<b>1.118.303.244</b>	<b>1.108.617.696</b>
141	1. Hàng tồn kho		1.118.303.244	1.108.617.696
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>672.937.171</b>	<b>638.980.286</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	517.290.456	568.658.090
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	18	155.646.715	70.322.196



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.589.515.837.163</b>	<b>1.794.027.103.736</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>170.293.274.410</b>	<b>347.966.896.882</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	8	89.910.651.921	289.709.706.846
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	80.382.622.489	58.257.190.036
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>127.718.446.913</b>	<b>128.529.834.852</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	96.188.946.757	99.525.258.589
222	Nguyên giá		177.710.478.109	178.653.269.019
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(81.521.531.352)	(79.128.010.430)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	31.529.500.156	29.004.576.263
228	Nguyên giá		46.780.235.812	43.313.735.812
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(15.250.735.656)	(14.309.159.549)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>1.859.836.725</b>	<b>5.048.592.285</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	1.859.836.725	5.048.592.285
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>15</b>	<b>1.285.039.086.670</b>	<b>1.307.633.674.290</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con	15.1	1.220.266.809.312	1.123.956.579.312
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	15.2	43.734.954.724	43.734.954.724
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	15.3	36.669.471.175	154.756.045.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	15.2	(15.632.148.541)	(14.813.904.746)
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>4.605.192.445</b>	<b>4.848.105.427</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	3.552.447.455	3.893.818.361
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.3	1.052.744.990	954.287.066
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.253.791.831.421</b>	<b>2.236.268.236.395</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.030.961.507.269</b>	<b>1.022.143.517.183</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>875.917.026.125</b>	<b>331.191.564.716</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	42.416.512.979	24.843.953.342
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	56.087.903.167	44.842.974.571
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	21.313.286.010	17.462.993.065
314	4. Phải trả người lao động		2.379.375.083	4.362.199.061
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	22.916.679.668	25.323.759.188
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	20	15.199.572.250	15.148.275.378
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21	25.767.208.562	27.627.603.392
320	8. Vay ngắn hạn	22	689.834.860.195	171.466.382.410
322	9. Quý khen thưởng, phúc lợi	3.14	1.628.211	113.424.309
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>155.044.481.144</b>	<b>690.951.952.467</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	21	61.635.884.716	60.352.404.716
338	2. Vay dài hạn	22	93.408.596.428	630.599.547.751
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.222.830.324.152</b>	<b>1.214.124.719.212</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>23</b>	<b>1.222.830.324.152</b>	<b>1.214.124.719.212</b>
411	1. Vốn cổ phần		972.766.080.000	972.766.080.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		972.766.080.000	972.766.080.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		106.459.866.414	106.459.866.414
418	3. Quý đầu tư phát triển		6.719.655.738	6.719.655.738
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		136.884.722.000	128.179.117.060
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		128.179.117.060	109.781.034.986
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong kỳ		8.705.604.940	18.398.082.074
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.253.791.831.421</b>	<b>2.236.268.236.395</b>

Nguyễn Thị Lan Phương  
Người lập

Bùi Tấn Khải  
Kế toán trưởng



Châu Thị Kim Phước  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam


Ngày 29 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	156.412.788.160	172.932.001.450
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	156.412.788.160	172.932.001.450
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	(117.967.223.432)	(125.669.519.592)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		38.445.564.728	47.262.481.858
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	60.696.183.524	45.174.214.303
22	7. Chi phí tài chính	26	(62.867.463.620)	(58.886.768.786)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(49.554.243.731)	(53.254.465.655)
25	8. Chi phí bán hàng	27	(6.588.559.311)	(5.785.092.092)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(16.067.856.631)	(23.935.799.850)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		13.617.868.690	3.829.035.433
31	11. Thu nhập khác	28	1.921.353.205	580.717.892
32	12. Chi phí khác	28	(1.133.215.520)	(244.785.358)
40	13. Lợi nhuận khác	28	788.137.685	335.932.534
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		14.406.006.375	4.164.967.967
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	(5.798.859.359)	(999.472.654)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	30.3	98.457.924	228.984.770
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		8.705.604.940	3.394.480.083

  
Nguyễn Thị Lan Phương  
Người lập

  
Bùi Tấn Khải  
Kế toán trưởng



  
Châu Thị Kim Phước  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>14.406.006.375</b>	<b>4.164.967.967</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	12, 13	3.887.659.376	3.153.224.101
03	Trích lập (hoàn nhập) dự phòng		1.659.938.825	(358.166.774)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(53.597.355.562)	(45.174.214.303)
06	Chi phí lãi vay	26	49.554.243.731	53.254.465.655
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>15.910.492.745</b>	<b>15.040.276.646</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(139.765.004.367)	(33.081.017.919)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(9.685.548)	92.237.682
11	Tăng các khoản phải trả		15.954.148.135	5.629.343.983
12	Giảm chi phí trả trước		392.738.540	1.514.247.618
14	Tiền lãi vay đã trả		(50.601.239.003)	(52.165.968.069)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	18	(50.000.000)	(436.926.126)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(111.796.098)	(88.141.250)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(158.280.345.596)</b>	<b>(63.495.947.435)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định ("TSCĐ")		(357.108.076)	(2.201.900.000)
22	Tiền thu do thanh lý TSCĐ		419.104.470	-
23	Tiền chi cho vay		(119.098.000.000)	(48.600.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		299.004.054.925	73.455.293.154
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(97.310.230.000)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		47.160.000.000	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		14.197.646.256	32.206.407.536
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>144.015.467.575</b>	<b>54.859.800.690</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
33	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
34	Tiền thu từ đi vay	22	309.014.198.224	182.863.978.355
	Tiền trả nợ gốc vay	22	(327.836.671.762)	(181.699.715.234)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính</b>		<b>(18.822.473.538)</b>	<b>1.164.263.121</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(33.087.351.559)</b>	<b>(7.471.883.624)</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>60.076.807.586</b>	<b>17.851.129.504</b>
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>4</b>	<b>26.989.456.027</b>	<b>10.379.245.880</b>

Nguyễn Thị Lan Phương  
Người lập

Bùi Tấn Khải  
Kế toán trưởng

Châu Thị Kim Phước  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3500753423 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 7 năm 2006. Công ty sau đó cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 24 được cấp ngày 27 tháng 3 năm 2023.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) với mã giao dịch cổ phiếu là VNG theo Quyết định số 149/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 30 tháng 11 năm 2009.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày; kinh doanh thức ăn đồ uống; kinh doanh thức ăn đồ uống; nhà hàng và dịch vụ ăn uống; dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; tổ chức sự kiện; kinh doanh đại lý thu đổi ngoại tệ, đại lý du lịch; buôn bán thực phẩm.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 253, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 160 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 216 người).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có 7 chi nhánh như sau:

<i>STT</i>	<i>Tên chi nhánh</i>	<i>Địa chỉ</i>
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công tại Cần Thơ – Khách sạn TTC	Số 2, Hai Bà Trưng, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam
2	Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công tại Lâm Đồng	Số 4, Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 1, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
3	Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công – Trung tâm lưu hành	Số 315, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
4	Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công tại Bến Tre – Trung tâm lưu hành	Số 500A4, Đại lộ Đồng Khởi, Phường Phú Khương, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam
5	Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công tại Bình Thuận – Trung tâm lưu hành	Số 1, Từ Văn Tư, Phường Phú Trinh, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam
6	Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công tại Tiền Giang – Trung tâm lưu hành	Số 8, Đường 30/4, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam
7	Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công tại Quảng Nam	Số 87, Cửa Đại, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại *Thuyết minh số 15.1*, Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 đề ngày 29 tháng 8 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

### 2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

### 2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa và - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.  
công cụ, dụng cụ

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ khi Công ty nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	39 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	8 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	8 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 năm
Tài sản khác	6 - 25 năm

**3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí xây dựng và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.9 Các khoản đầu tư

##### *Đầu tư vào công ty con*

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

##### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm có ảnh hưởng đáng kể được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

##### *Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

##### *Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

##### *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### 3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ:

- ▶ Chi phí bảo hiểm;
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn; và
- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn.

#### 3.11 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong kỳ khi phát sinh.

#### 3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty bằng VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

##### *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

##### *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

#### 3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

##### *Doanh thu cho thuê phòng, bán thức ăn và đồ uống, giải trí và hoạt động kinh doanh khác*

Doanh thu cho thuê phòng, bán thức ăn và đồ uống, phí dịch vụ giặt ủi và các khoản doanh thu khác được ghi nhận khi hàng hóa được chuyển giao và dịch vụ đã được thực hiện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

##### *Tiền lãi*

Thu nhập lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### *Cổ tức*

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

#### 3.16 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

**3.17 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Tiền mặt	122.740.288	131.030.419
Tiền gửi ngân hàng	23.727.731.354	49.757.542.580
Các khoản tương đương tiền (*)	3.000.000.000	10.000.000.000
Tiền đang chuyển	138.984.385	188.234.587
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>26.989.456.027</b>	<b>60.076.807.586</b>

(\*) Đây là các khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất dao động từ 3,4% đến 4,0%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 3% đến 4%/năm).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, toàn bộ các khoản tiền gửi này đã được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay từ các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 22).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Đầu tư tài chính ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam có kỳ hạn sáu (6) tháng và hưởng lãi suất áp dụng 4,5%/năm.

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải thu từ các bên khác	114.879.171.667	5.527.120.170
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Tín</i>	94.924.950.000	-
<i>Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý</i>		
<i>Khu công nghiệp Đặng Huỳnh</i>	12.440.742.800	-
<i>Các khoản phải thu khách hàng khác</i>	7.513.478.867	5.527.120.170
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	16.381.685.002	21.982.440.657
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>131.260.856.669</b>	<b>27.509.560.827</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng khó đòi	(1.124.148.851)	(1.124.148.851)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>130.136.707.818</b>	<b>26.385.411.976</b>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng khó đòi:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Số đầu kỳ	1.124.148.851	2.436.295.368
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	(1.446.680.879)
Số cuối kỳ	1.124.148.851	989.614.489

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Trả trước cho các bên khác	1.360.294.493	12.189.983.492
<i>Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Việt Á</i>	531.200.000	531.200.000
<i>Công ty Cổ phần Hàng không Jetstar</i>		
<i>Pacific Airlines</i>	367.862.655	367.862.655
<i>Tổng Công ty Hàng không Việt Nam</i>	167.185.437	167.185.437
<i>Các khoản trả trước cho người bán khác</i>	294.046.401	11.123.735.400
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	94.130.264.933	49.610.478.480
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>95.490.559.426</b>	<b>61.800.461.972</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**8. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Ngắn hạn</b>	<b>129.940.500.000</b>	<b>110.047.500.000</b>
Các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	113.440.500.000	93.547.500.000
Các bên khác (*)	16.500.000.000	16.500.000.000
<b>Dài hạn</b>	<b>89.910.651.921</b>	<b>289.709.706.846</b>
Các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	89.910.651.921	289.709.706.846
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>219.851.151.921</u></b>	<b><u>399.757.206.846</u></b>

(\*) Chi tiết các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn và được đảm bảo bằng 2.300.000 cổ phần trong Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Thành Thành Công của Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công. Chi tiết như sau:

Bên đi vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm
	VND		
Bà Triệu Phi Yến	<u>16.500.000.000</u>	Từ ngày 6 tháng 5 năm 2025 đến ngày 8 tháng 5 năm 2025	10,6

**9. PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Ngắn hạn</b>	<b>267.965.890.572</b>	<b>170.221.713.143</b>
Ký quỹ	105.145.500.000	58.343.821.600
Thu chi hộ	84.928.572.594	26.764.465.406
Lãi tiền gửi và lãi cho vay phải thu	30.816.049.958	20.600.907.157
Tạm ứng cho nhân viên	25.961.638.277	43.082.257.184
Doanh thu theo Hợp đồng Hợp tác kinh doanh (*)	11.993.305.479	9.952.554.519
Cổ tức phải thu	5.600.000.000	5.600.000.000
Khác	3.520.824.264	5.877.707.277
<b>Dài hạn</b>	<b>80.382.622.489</b>	<b>58.257.190.036</b>
Góp vốn Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh (*)	34.750.000.000	34.750.000.000
Lãi cho vay phải thu	34.399.300.889	23.472.190.036
Đặt cọc	11.233.321.600	35.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>348.348.513.061</b>	<b>228.478.903.179</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi	(38.360.000)	(38.360.000)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>348.310.153.061</u></b>	<b><u>228.440.543.179</u></b>
Trong đó:		
Phải thu các bên khác	139.826.586.052	79.123.851.341
Phải thu ngắn hạn khác các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	139.334.266.120	91.094.501.802
Phải thu dài hạn khác các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	69.149.300.889	58.222.190.036

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**9. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)**

(\*) Đây là khoản góp vốn theo Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh Số 531/2019/HĐHTKD/TTCT-ĐT ký ngày 12 tháng 12 năm 2019 và theo Phụ lục Số 1003/2023 ký ngày 10 tháng 3 năm 2023 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận để hoàn thiện việc xây dựng Khu nghỉ dưỡng TTC Resort Ninh Thuận. Theo đó, Công ty góp 34.750.000.000 VND và sẽ được hưởng 40% tổng doanh thu hàng tháng của Khu nghỉ dưỡng TTC Resort Ninh Thuận.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	<u>38.360.000</u>	<u>38.360.000</u>

**10. HÀNG TỒN KHO**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Nguyên vật liệu	873.612.351	831.267.705
Hàng hóa	127.159.721	147.556.419
Công cụ, dụng cụ	117.531.172	129.793.572
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.118.303.244</u></b>	<b><u>1.108.617.696</u></b>

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Ngắn hạn</b>	<b>517.290.456</b>	<b>568.658.090</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	142.858.648	113.907.942
Chi phí bảo hiểm	37.205.554	95.652.705
Khác	337.226.254	359.097.443
<b>Dài hạn</b>	<b>3.552.447.455</b>	<b>3.893.818.361</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.326.173.353	2.481.132.140
Chi phí sửa chữa	980.088.289	1.069.237.184
Khác	246.185.813	343.449.037
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.069.737.911</u></b>	<b><u>4.462.476.451</u></b>



## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	150.102.115.585	15.838.803.240	6.728.511.295	2.156.171.487	3.827.667.412	178.653.269.019
Mua trong kỳ	-	79.363.636	-	-	-	79.363.636
Thanh lý trong kỳ	-	(95.600.000)	(926.554.546)	-	-	(1.022.154.546)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	150.102.115.585	15.822.566.876	5.801.956.749	2.156.171.487	3.827.667.412	177.710.478.109
<b>Trong đó:</b>						
Đã khấu hao hết	2.223.548.547	3.033.731.602	756.249.091	1.719.432.287	-	7.732.961.527
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	61.844.669.167	9.851.683.537	4.619.063.897	1.863.604.333	948.989.496	79.128.010.430
Khấu hao trong kỳ	1.950.541.548	628.655.912	225.880.275	37.354.154	103.651.380	2.946.083.269
Thanh lý trong kỳ	-	(45.375.381)	(507.186.966)	-	-	(552.562.347)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	63.795.210.715	10.434.964.068	4.337.757.206	1.900.958.487	1.052.640.876	81.521.531.352
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	88.257.446.418	5.987.119.703	2.109.447.398	292.567.154	2.878.677.916	99.525.258.589
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	86.306.904.870	5.387.602.808	1.464.199.543	255.213.000	2.775.026.536	96.188.946.757
<b>Trong đó:</b>						
Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 22)	-	-	985.487.410	-	-	985.487.410

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	38.892.426.817	3.673.000.000	748.308.995	43.313.735.812
Mua trong kỳ	-	3.466.500.000	-	3.466.500.000
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>38.892.426.817</u>	<u>7.139.500.000</u>	<u>748.308.995</u>	<u>46.780.235.812</u>
<i>Trong đó:</i>				
Đã hao mòn hết	-	611.006.268	-	611.006.268
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	12.938.005.535	888.512.449	482.641.565	14.309.159.549
Hao mòn trong kỳ	<u>497.528.838</u>	<u>296.838.641</u>	<u>147.208.628</u>	<u>941.576.107</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>13.435.534.373</u>	<u>1.185.351.090</u>	<u>629.850.193</u>	<u>15.250.735.656</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	<u>25.954.421.282</u>	<u>2.784.487.551</u>	<u>265.667.430</u>	<u>29.004.576.263</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>25.456.892.444</u>	<u>5.954.148.910</u>	<u>118.458.802</u>	<u>31.529.500.156</u>
<i>Trong đó:</i>				
Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 22)	25.456.892.444	-	-	25.456.892.444

**14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Dự án Khu vui chơi Phú Quốc	1.470.947.836	1.470.947.836
Dự án Khu phức hợp TTC Gia Lai	388.888.889	388.888.889
Chi phí phần mềm Oracle	-	3.119.850.000
Khác	-	68.905.560
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.859.836.725</u></b>	<b><u>5.048.592.285</u></b>

**15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 15.1)	1.220.266.809.312	1.123.956.579.312
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 15.2)	43.734.954.724	43.734.954.724
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 15.3)	<u>36.669.471.175</u>	<u>154.756.045.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.300.671.235.211</u></b>	<b><u>1.322.447.579.036</u></b>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	<u>(15.632.148.541)</u>	<u>(14.813.904.746)</u>
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>1.285.039.086.670</u></b>	<b><u>1.307.633.674.290</u></b>

## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 15.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau:

Tên công ty con	Tình trạng hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023			
			Giá gốc đầu tư (VND)	Dự phòng	% sở hữu	Giá gốc đầu tư (VND)	Dự phòng	% sở hữu
Công ty TNHH Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú, nhà hàng và vui chơi giải trí	619.218.911.050	-	100	619.218.911.050	-	100
Công ty TNHH Du lịch TTC (i)	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú và nhà hàng	580.605.746.000	-	100	483.295.516.000	-	100
Công ty TNHH Thành Thành Công Đà Lạt	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú và nhà hàng	13.081.152.262	-	100	13.081.152.262	-	100
Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC	Đang hoạt động	Dịch vụ lữ hành	5.000.000.000	-	100	5.000.000.000	-	100
Công ty TNHH Du lịch TTC Huế	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú và nhà hàng	2.361.000.000	-	100	2.361.000.000	-	100
Công ty TNHH Chăm sóc Sức khỏe Ngọc Lan (ii)	Đang hoạt động	Dịch vụ chăm sóc sức khỏe	-	-	-	1.000.000.000 (841.695.030)	-	100
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>1.220.266.809.312</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.123.956.579.312 (841.695.030)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(i) Trong kỳ, Công ty đã góp thêm vốn vào Công ty TNHH Du lịch TTC với tổng giá trị là 97.310.230.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 13/2024/NQ-HĐQT ngày 6 tháng 5 năm 2024.

(ii) Vào ngày 27 tháng 6 năm 2024, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ vốn góp trong Công ty TNHH Chăm sóc Sức khỏe Ngọc Lan cho Ông Mai Phước Bình, một bên thứ ba, với tổng giá trị chuyển nhượng là 160.000.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 16/2024/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 6 năm 2024. Khoản lãi từ giao dịch chuyển nhượng này đã được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ với tổng giá trị là 1.695.030 VND. Theo đó, Công ty TNHH Chăm sóc Sức khỏe Ngọc Lan không còn là công ty con của Công ty kể từ ngày này.

Giá trị hợp lý các khoản đầu tư này chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 do chưa thu thập được đầy đủ thông tin thị trường. Tuy nhiên, dựa vào tình hình hoạt động hiện tại của các công ty này, Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý lớn hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

# Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

### 15.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Tình trạng hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024			Ngày 31 tháng 12 năm 2023		
			Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	% sở hữu	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	% sở hữu
Công ty Cổ phần Du lịch Vinagolf Angkor	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú và nhà hàng	24.772.623.054	(14.836.511.250)	49,00	24.772.623.054	(13.972.209.716)	49,00
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Đang hoạt động	Dịch vụ nhà hàng	18.962.331.670	(795.637.291)	20,75	18.962.331.670	-	20,75
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>			<b>43.734.954.724</b>	<b>(15.632.148.541)</b>		<b>43.734.954.724</b>	<b>(13.972.209.716)</b>	

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư trên chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 do chưa thu thập được đầy đủ thông tin thị trường. Tuy nhiên, dựa vào tình hình hoạt động hiện tại của công ty này, Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý lớn hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

# Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

### 15.3 Đầu tư dài hạn khác

Tên công ty	Tình trạng hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024			Ngày 31 tháng 12 năm 2023		
			Giá gốc đầu tư (VND)	Dự phòng	% sở hữu	Giá gốc đầu tư (VND)	Dự phòng	% sở hữu
Công ty Cổ phần Năng lượng Sạch Ninh Thuận (i)	Đang hoạt động	Năng lượng mặt trời	35.463.176.175	-	14,20	47.903.045.000	-	19,18
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú và nhà hàng	1.206.295.000	-	1,17	1.206.295.000	-	1,17
Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu công nghiệp Đặng Huỳnh (ii)	Đang hoạt động	Năng lượng mặt trời	-	-	-	105.646.705.000	-	4,04
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>			<b>36.669.471.175</b>	<b>-</b>		<b>154.756.045.000</b>	<b>-</b>	

(i) Vào ngày 28 tháng 6 năm 2024, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 1.165.300 cổ phần, tương đương 4,98% tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Năng lượng Sạch Ninh Thuận cho Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu công nghiệp Đặng Huỳnh, với tổng giá trị chuyển nhượng là 12.440.742.800 VND. Khoản lãi từ giao dịch chuyển nhượng này đã được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ với tổng giá trị là 873.975 VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong công ty này giảm từ 19,18% xuống 14,20%.

(ii) Vào ngày 27 tháng 6 năm 2024, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần trong Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu công nghiệp Đặng Huỳnh cho Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công, một bên thứ ba, với tổng giá trị chuyển nhượng là 141.924.950.000 VND. Khoản lãi từ giao dịch chuyển nhượng này đã được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ với tổng giá trị là 29.181.997.500 VND.

Giá trị hợp lý khoản đầu tư nói trên chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 do chưa thu thập được đầy đủ thông tin thị trường. Tuy nhiên, dựa vào tình hình hoạt động hiện tại của công ty này, Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý lớn hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải trả cho các bên khác	30.151.894.692	17.355.693.045
<i>Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương</i>	5.700.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Thành Thành Nam</i>	2.200.000.000	-
<i>Công ty TNHH P.N.R</i>	1.704.933.293	1.961.510.888
<i>Bà Huỳnh Tuyết Thủy Mai</i>	1.137.190.698	718.572.520
<i>Công ty Cổ phần Dịch vụ Tư vấn Á Rông</i>	1.086.600.000	1.299.950.000
<i>Khác</i>	18.323.170.701	13.375.659.637
Phải trả cho các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 31</i> )	12.264.618.287	7.488.260.297
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>42.416.512.979</b>	<b>24.843.953.342</b>

**17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 31</i> )	51.157.942.815	41.674.283.523
Các bên khác	4.929.960.352	3.168.691.048
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>56.087.903.167</b>	<b>44.842.974.571</b>

**18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2024
<b>Phải trả</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	5.391.061.432	5.798.859.359	(50.000.000)	11.139.920.791
Thuế tài sản và thuế nhà đất	2.648.154.493	3.799.414.110	(1.062.058.688)	5.385.509.915
Thuế giá trị gia tăng	8.399.285.874	12.588.205.191	(17.636.755.916)	3.350.735.149
Thuế thu nhập cá nhân	982.526.135	2.435.109.224	(2.019.576.832)	1.398.058.527
Thuế tiêu thụ đặc biệt	17.318.451	73.489.480	(76.847.522)	13.960.409
Thuế khác	24.646.680	419.864.454	(419.409.915)	25.101.219
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>17.462.993.065</b>	<b>25.114.941.818</b>	<b>(21.264.648.873)</b>	<b>21.313.286.010</b>
<b>Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	70.322.196	7.905.453.867	(7.820.129.348)	155.646.715
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>70.322.196</b>	<b>7.905.453.867</b>	<b>(7.820.129.348)</b>	<b>155.646.715</b>

(\*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty đang ghi nhận khoản thuế phải nộp quá hạn với số tiền là 5.391.061.432 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Chi phí lãi vay	21.721.481.952	22.768.477.224
Phí dịch vụ chuyên nghiệp	1.042.454.065	1.650.407.604
Thủ lao HĐQT, lương tháng 13 và thưởng	-	640.000.000
Khác	152.743.651	264.874.360
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>22.916.679.668</u></b>	<b><u>25.323.759.188</u></b>

**20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Doanh thu từ dịch vụ tư vấn quản lý	11.791.315.408	10.128.422.468
Doanh thu từ thuê phòng khách sạn	3.408.256.842	5.019.852.910
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>15.199.572.250</u></b>	<b><u>15.148.275.378</u></b>

**21. PHẢI TRẢ KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Ngắn hạn</b>	<b>25.767.208.562</b>	<b>27.627.603.392</b>
Lãi vay phải trả	20.819.063.340	20.833.988.089
Thu chi hộ	1.063.686.000	1.618.890.301
Nhận ký quỹ	1.200.000.000	1.400.000.000
Bảo hiểm xã hội	606.930.970	630.109.172
Cổ tức phải trả	238.998.150	238.998.150
Kinh phí công đoàn	228.326.287	501.224.190
Khác	1.610.203.815	2.404.393.490
<b>Dài hạn</b>	<b>61.635.884.716</b>	<b>60.352.404.716</b>
Phải trả theo Thỏa thuận Hợp tác (*)	46.350.000.000	46.350.000.000
Nhận bàn giao tài sản	11.919.404.716	11.919.404.716
Nhận ký quỹ	3.366.480.000	2.083.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>87.403.093.278</u></b>	<b><u>87.980.008.108</u></b>

Trong đó:

Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	22.765.501.200	15.557.015.133
Phải trả dài hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	58.269.404.716	58.269.404.716
Các bên khác	6.368.187.362	14.153.588.259

(\*) Đây là khoản góp vốn nhận từ Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình theo Thỏa thuận Hợp tác Góp vốn Đầu tư Số 261/2022/HĐHTKD/TTC-TB ký ngày 1 tháng 12 năm 2022 để đầu tư và phát triển kinh doanh Dự án Khách sạn TTC Cần Thơ và TTC Đà Lạt. Theo đó, các bên được chia sẻ lợi nhuận theo từng kỳ phân chia, dựa theo hiệu quả hoạt động kinh doanh và thỏa thuận thống nhất giữa các bên.

## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 22. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Vay	Phân loại lại	Trả nợ vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2024
<b>Ngắn hạn</b>	<b>171.466.382.410</b>	<b>213.917.684.084</b>	<b>525.126.601.160</b>	<b>(220.675.807.459)</b>	<b>689.834.860.195</b>
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 22.1)	163.406.908.109	204.117.684.084	-	(205.467.247.168)	162.057.345.025
Vay bên khác (Thuyết minh số 22.2)	1.500.000.000	9.800.000.000	-	(7.000.000.000)	4.300.000.000
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 22.3)	6.559.474.301	-	2.667.080.625	(2.508.560.291)	6.717.994.635
Vay dài hạn bên khác đến hạn trả (Thuyết minh số 22.4)	-	-	21.100.000.000	-	21.100.000.000
Trái phiếu đến hạn trả (Thuyết minh số 22.5)	-	-	501.359.520.535	(5.700.000.000)	495.659.520.535
<b>Dài hạn</b>	<b>630.599.547.751</b>	<b>95.096.514.140</b>	<b>(525.126.601.160)</b>	<b>(107.160.864.303)</b>	<b>93.408.596.428</b>
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 22.3)	7.821.396.705	-	(2.667.080.625)	-	5.154.316.080
Vay các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	37.440.000.000	73.189.782.200	-	(64.801.895.192)	45.827.887.008
Trái phiếu (Thuyết minh số 22.5)	497.136.598.163	4.222.922.372	-	-	-
Vay các bên khác (Thuyết minh số 22.4)	43.178.104.808	-	(21.100.000.000)	(22.078.104.808)	-
Vay các cán bộ công nhân viên (Thuyết minh số 22.6)	45.023.448.075	17.683.809.568	-	(20.280.864.303)	42.426.393.340
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>802.065.930.161</b>	<b>309.014.198.224</b>	<b>-</b>	<b>(327.836.671.762)</b>	<b>783.243.456.623</b>



# Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 22. VAY (tiếp theo)

### 22.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng để bổ sung nhu cầu vốn lưu động được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo (Thuyết minh số 4 và 12)
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Đắk Lắk</b>				
Khoản vay 1	89.909.968.947	Từ ngày 26 tháng 8 năm 2024 đến ngày 10 tháng 12 năm 2024	Từ 7,6 đến 7,9	Quyền khai thác Khu du lịch Núi Tà Cú; quyền sử dụng đất của Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân và 3.000.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công ("TTCI") thuộc sở hữu của bà Huỳnh Bích Ngọc; 4.500.000 cổ phiếu TTCI thuộc sở hữu của Ông Đặng Hồng Anh
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh</b>				
Khoản vay 1	39.842.093.168	Từ ngày 4 tháng 7 năm 2024 đến ngày 28 tháng 12 năm 2024	Từ 7,0 đến 7,5	Quyền sử dụng đất và các tài sản liên quan khác thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu công nghiệp Đặng Huỳnh
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Định</b>				
Khoản vay 1	32.305.282.910	Từ ngày 8 tháng 7 năm 2024 đến ngày 5 tháng 12 năm 2024	Từ 7,5 đến 7,8	Phương tiện vận tải của Công ty, Công ty TNHH Du lịch TTC ("DL TTC") và Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú, các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty; 2.700.000 cổ phiếu tự do chuyển nhượng do Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hoà phát hành thuộc sở hữu của TTCI
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>162.057.345.025</b>			

# Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 22. VAY (tiếp theo)

### 22.2 Vay ngắn hạn từ bên khác

Chi tiết khoản vay ngắn hạn từ bên khác như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất %/năm	Mục đích	Hình thức đảm bảo
<b>Bà Nguyễn Thị Tích Hương</b>					
Khoản vay 1	1.500.000.000	Ngày 30 tháng 8 năm 2024	12,11	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay 2	2.800.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	12,11	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.300.000.000</b>				

### 22.3 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất %/năm	Mục đích	Hình thức đảm bảo (Thuyết minh số 12)

### Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Đắk Lắk

Khoản vay 1	11.872.310.715	Từ ngày 19 tháng 6 năm 2025 đến ngày 23 tháng 12 năm 2028	Từ 7,9 đến 10,8	Sửa chữa Khách sạn Càn Thơ, Nhà hàng nướng	Quyền khai thác Khu du lịch Núi Tà Cú; quyền sử dụng đất của Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân và 3.000.000 cổ phiếu TTCI thuộc sở hữu của bà Huỳnh Bích Ngọc
-------------	----------------	---	-----------------	--	--

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả	6.717.994.635
Vay dài hạn	5.154.316.080



# Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 22. VAY (tiếp theo)

### 22.4 Vay dài hạn các bên khác

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ các bên khác được trình bày như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất %/năm	Mục đích	Hình thức đảm bảo
<b>Bà Nguyễn Thị Tích Hương</b>					
Khoản vay 1	<u>21.100.000.000</u>	Ngày 1 tháng 1 năm 2025	12,11	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn trả	21.100.000.000				
Vay dài hạn	-				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. VAY (tiếp theo)**

**22.5 Trái phiếu doanh nghiệp**

Chi tiết khoản trái phiếu phát hành theo mệnh giá như sau:

Trái chủ	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích phát hành	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo (Thuyết minh số 12)
	VND				
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam</b>					
Mệnh giá trái phiếu	500.000.000.000	Ngày 4 tháng 1 năm 2025	Trả nợ vay, Từ 12,78	Từ 12,78	Bất động sản và động sản, quyền tài sản
Chi phí phát hành trái phiếu	(4.340.479.465)		cấp khoản vay đến 13,78 và tiền gửi có kỳ hạn của Công ty, DL TTC, cho công ty		phần vốn góp tại DL TTC, Quyền tài sản
			con, công ty		Thung lũng tinh yêu
			liên kết		
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>495.659.520.535</b>				

Trong đó:

Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	495.659.520.535
Trái phiếu dài hạn	-

**22.6 Vay dài hạn cán bộ công nhân viên**

Đây là các khoản vay của các cán bộ công nhân viên trong Công ty để tài trợ vốn lưu động trong kỳ, đáo hạn ngày 31 tháng 12 năm 2025, chịu lãi suất từ 10% đến 12%/năm và không có tài sản đảm bảo (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 10% đến 12%/năm).

## Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 23.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	972.766.080.000	106.459.866.414	6.719.655.738	109.781.034.986	1.195.726.637.138
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	3.394.480.083	3.394.480.083
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>972.766.080.000</u>	<u>106.459.866.414</u>	<u>6.719.655.738</u>	<u>113.175.515.069</u>	<u>1.199.121.117.221</u>
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	972.766.080.000	106.459.866.414	6.719.655.738	128.179.117.060	1.214.124.719.212
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	8.705.604.940	8.705.604.940
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>972.766.080.000</u>	<u>106.459.866.414</u>	<u>6.719.655.738</u>	<u>136.884.722.000</u>	<u>1.222.830.324.152</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**23.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Vào ngày 1 tháng 1 và ngày 30 tháng 6	<u>972.766.080.000</u>	<u>972.766.080.000</u>

**23.3 Cổ phiếu**

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 (cổ phiếu)	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (cổ phiếu)
Cổ phiếu đăng ký phát hành	97.276.608	97.276.608
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	97.276.608	97.276.608
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	97.276.608	97.276.608
Cổ phiếu đang lưu hành	97.276.608	97.276.608
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	97.276.608	97.276.608

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

**24. DOANH THU**

**24.1 Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
		VND
<b>Tổng doanh thu</b>		
<i>Trong đó</i>		
Doanh thu về cung cấp dịch vụ	129.780.858.582	143.407.979.420
Doanh thu về bán hàng	26.631.929.578	29.524.022.030
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<u>156.412.788.160</u>	<u>172.932.001.450</u>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	129.780.858.582	143.407.979.420
Doanh thu thuần về bán hàng	26.631.929.578	29.524.022.030
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thuần đối với các bên khác	114.965.894.370	120.398.091.956
Doanh thu thuần đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	41.446.893.790	52.533.909.494

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**24. DOANH THU** (tiếp theo)

**24.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Lãi từ chuyển nhượng khoản đầu tư	36.280.814.005	-
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	24.412.789.057	26.774.214.303
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.580.462	-
Cổ tức được chia	-	18.400.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>60.696.183.524</u></b>	<b><u>45.174.214.303</u></b>

**25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Giá vốn dịch vụ cung cấp	91.353.314.294	96.152.509.982
Giá vốn hàng bán	26.613.909.138	29.517.009.610
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>117.967.223.432</u></b>	<b><u>125.669.519.592</u></b>

**26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí lãi vay	49.554.243.731	53.254.465.655
Chi phí chuyển nhượng khoản đầu tư	7.096.247.500	-
Chi phí phát hành trái phiếu	4.557.031.959	4.541.529.678
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	1.659.938.825	1.088.514.105
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.324	2.214.747
Chi phí khác	281	44.601
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>62.867.463.620</u></b>	<b><u>58.886.768.786</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân viên	1.846.404.704	2.524.020.436
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.898.192.251	753.709.789
Chi phí khấu hao và hao mòn	31.326.873	31.255.400
Chi phí khác	812.635.483	2.476.106.467
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.588.559.311</b>	<b>5.785.092.092</b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên	11.765.868.094	17.658.896.563
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.748.803.818	4.739.725.055
Chi phí khấu hao và hao mòn	923.326.466	654.062.328
Chi phí khác	1.629.858.253	883.115.904
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>16.067.856.631</b>	<b>23.935.799.850</b>

**28. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>1.921.353.205</b>	<b>580.717.892</b>
Phiếu sử dụng dịch vụ hết hạn	1.913.034.327	-
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	1.274.694	20.415.937
Thu tiền bồi thường	-	500.000.000
Thu nhập khác	7.044.184	60.301.955
<b>Chi phí khác</b>	<b>1.133.215.520</b>	<b>244.785.358</b>
Các khoản phạt	997.543.332	231.155.323
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	54.649.202	13.590.527
Chi phí khác	81.022.986	39.508
<b>LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN</b>	<b>788.137.685</b>	<b>335.932.534</b>

**29. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	84.332.817.201	94.341.406.162
Chi phí nguyên vật liệu	23.668.038.492	22.800.309.170
Chi phí nhân viên	20.810.754.988	26.082.760.225
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 12 và 13)	3.887.659.376	3.153.224.101
Chi phí khác	7.924.369.317	9.012.711.876
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>140.623.639.374</b>	<b>155.390.411.534</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**30.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.798.859.359	999.472.654
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(98.457.924)	(228.984.770)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5.700.401.435</u></b>	<b><u>770.487.884</u></b>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b><u>14.406.006.375</u></b>	<b><u>4.164.967.967</u></b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	2.881.201.275	832.993.593
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí lãi vay không được khấu trừ	2.469.471.970	3.288.299.617
Chi phí không được trừ	176.867.883	111.491.853
Chênh lệch tạm thời từ dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn chưa ghi nhận thuế hoãn lại	172.860.307	217.702.821
Cổ tức được chia	-	(3.680.000.000)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>5.700.401.435</u></b>	<b><u>770.487.884</u></b>

**30.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**30.3 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong kỳ này và kỳ trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí trích trước	1.052.744.990	954.287.066	98.457.924	228.984.770
<b>Tài sản thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>1.052.744.990</b>	<b>954.287.066</b>		
<b>Thu nhập thuế TNDN hoãn lại tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ</b>			<b>98.457.924</b>	<b>228.984.770</b>

**30.4 Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định**

Công ty được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định chưa được trừ khi tính thuế TNDN cho kỳ hiện tại ("chi phí lãi vay chưa được trừ") sang kỳ sau khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của kỳ sau. Thời gian chuyển chi phí lãi vay sang kỳ sau được tính liên tục không quá 5 năm kể từ sau kỳ phát sinh khoản chi phí lãi vay chưa được trừ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty có các khoản chi phí lãi vay chưa được trừ lũy kế có thể sử dụng trong tương lai như sau:

Năm phát sinh	Có thể được chuyển thành chi phí lãi vay được trừ thuế đến năm	Chi phí lãi vay chưa được trừ thuế phát sinh (i)	VND	
			<i>Chi phí lãi vay chưa được trừ sang năm sau tính đến ngày 30/6/2024</i>	<i>Chi phí lãi vay chưa được trừ đã chuyển sang năm sau tính đến ngày 30/6/2024</i>
2021	2026	11.032.548.889	-	11.032.548.889
2022	2027	16.593.410.914	-	16.593.410.914
2023	2028	16.767.104.291	-	16.767.104.291
Sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	2029	12.347.359.852	-	12.347.359.852
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>56.740.423.946</b>	<b>-</b>	<b>56.740.423.946</b>

(i) Đây là các khoản chi phí lãi vay không được trừ thuế TNDN ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chi phí lãi vay không được khấu trừ còn lại trị giá 56.740.423.946 VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 44.393.064.094 VND) do không thể dự tính được liệu chi phí lãi vay không được khấu trừ này có thể sẽ được sử dụng trong thời gian cho phép còn lại hay không.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan khác có giao dịch với Công ty trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty TNHH Du lịch TTC	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH Thành Thành Công Đà Lạt	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH Du lịch TTC Huế	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Nhà hàng Ngọc Lan Đình	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Hoa Ngọc Lan	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BVB Bình Thuận	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Chăm sóc Sức khỏe Ngọc Lan	Công ty con trực tiếp cho đến ngày 27 tháng 6 năm 2024
Công ty Cổ phần Du lịch Vinagolf Angkor	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lâm Công Nghiệp Lâm Đồng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Công ty liên kết đến ngày 27 tháng 6 năm 2024
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Chung thành viên quản lý
Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Chè Ngọc Bảo	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu Thép Đại Tín	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân	Cùng cổ đông lớn
Bà Phan Thị Hồng Vân	Chủ tịch HĐQT
Bà Châu Thị Kim Phước	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Lê Hùng	Phó Chủ tịch HĐQT từ ngày 24 tháng 4 năm 2024
	Thành viên HĐQT đến ngày 24 tháng 4 năm 2024
Bà Hồ Thị Phương Thảo	Thành viên HĐQT kiêm thành viên UBKT đến ngày 24 tháng 4 năm 2024
Ông Vũ Viết Bản	Thành viên HĐQT kiêm thành viên UBKT đến ngày 24 tháng 4 năm 2024
Bà Nguyễn Thùy Vân	Thành viên độc lập HĐQT kiêm Chủ tịch UBKT
Bà Trần Thiện Thanh Thùy	Thành viên HĐQT kiêm thành viên UBKT từ ngày 24 tháng 4 năm 2024
Bà Huỳnh Thị Nga	Thành viên HĐQT kiêm thành viên UBKT từ ngày 24 tháng 4 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 30 tháng 6 năm 2023 bao gồm:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Công ty TNHH Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Mua dịch vụ	16.952.374.483	555.105.761
	Bán hàng	7.355.471.173	1.751.672.548
	Phí lưu trú	5.155.421.763	26.196.676.106
	Dịch vụ tư vấn	5.000.000.000	12.000.000.000
	Lãi cho vay	2.122.998.809	2.819.316.713
	Dịch vụ lưu trú	28.944.343	20.571.432
	Cung cấp dịch vụ	-	327.171.629
	Mua hàng	-	111.556.108
	Chi phí khác	-	79.722.869
	Dịch vụ khác	-	9.413.849
Công ty TNHH Du lịch TTC	Lãi cho vay	10.927.110.853	15.401.785.363
	Chi phí khác	8.624.406.891	12.514.904
	Phí lưu trú	8.253.733.517	13.698.933.721
	Bán hàng	4.500.844.818	5.549.044.410
	Dịch vụ lưu trú	19.792.593	-
	Dịch vụ tư vấn	-	2.750.000.000
	Mua dịch vụ	-	61.450.001
	Dịch vụ khác	-	7.658.182
Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC	Bán hàng	9.006.683.075	13.546.074.101
	Dịch vụ lưu trú	383.470.587	169.863.636
	Mua dịch vụ	208.315.223	315.213.123
	Phí lưu trú	809.000	-
	Dịch vụ khác	-	391.048.066
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Lãi cho vay	6.363.192.651	4.164.005.919
	Doanh thu hợp tác kinh doanh	1.855.228.146	1.641.329.286
	Phí lưu trú	1.692.134.995	5.525.247.462
	Bán hàng	286.519.890	1.463.181.319
	Dịch vụ lưu trú	2.037.037	-
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Mua dịch vụ	7.452.927.580	4.678.828.182
	Dịch vụ tư vấn	6.000.000.000	3.000.000.000
	Chi phí lãi vay	590.801.095	-
	Lãi cho vay	-	141.304.110
	Dịch vụ lưu trú	-	12.727.273
	Bán hàng	-	1.347.500
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Mua dịch vụ	5.599.260.980	4.000.000
	Bán hàng	4.931.925.098	6.424.918.250
	Lãi cho vay	49.428.906	391.019.178
	Phí lưu trú	-	8.894.782.453
	Chi phí lãi vay	-	5.130.909

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 30 tháng 6 năm 2023 bao gồm (tiếp theo):

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	Mua dịch vụ Lãi cho vay Phí lưu trú	7.096.247.500 3.304.155.721 3.045.588.419	- 2.288.170.887 5.500.123.733
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Chi phí lãi vay Dịch vụ tư vấn Bán hàng hóa Chi phí khác Phí lưu trú Doanh thu thanh lý tài sản Chi phí được chia từ hợp tác kinh doanh ("BCC") Mua dịch vụ Dịch vụ lưu trú Dịch vụ khác Cung cấp dịch vụ	2.428.727.409 1.000.000.000 550.485.524 482.074.139 439.968.652 419.104.470 - - - - - -	- 2.000.000.000 697.755.914 12.677.272 357.379.093 - 2.298.452.055 237.852.271 11.359.307 586.812 549.784
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu Thép Đại Tín	Chi phí lãi vay	586.987.483	333.446.609
Công ty Cổ phần Nhà hàng Ngọc Lan Đình	Chi phí được chia từ BCC	462.000.000	462.000.000
Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân	Lãi cho vay Dịch vụ lưu trú Cung cấp dịch vụ	383.945.207 22.164.814 -	388.739.728 - 181.000.000
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	Dịch vụ lưu trú Dịch vụ khác Cung cấp dịch vụ	40.000.000 - -	3.705.627 3.948.053 1.400.866
Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	Dịch vụ lưu trú	44.222.222	-
Công ty TNHH Du lịch TTC Huế	Dịch vụ tư vấn Phí lưu trú Mua dịch vụ Chi phí khác Bán hàng	- - - - -	3.000.000.000 1.127.649.073 27.000.000 1.454.545 893.750
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Mua dịch vụ Dịch vụ lưu trú Chi phí lãi vay	- - -	1.111.585.405 80.661.637 40.175.341
Công ty TNHH Chăm sóc Sức khỏe Ngọc Lan	Dịch vụ khác Bán hàng	- -	180.039.787 1.683.747

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả đối với bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>			
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cung cấp dịch vụ	4.161.200.000	2.380.200.000
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Cung cấp dịch vụ	3.439.392.266	3.240.226.863
Công ty TNHH Du lịch TTC Huế	Cung cấp dịch vụ	1.890.000.000	1.890.000.000
Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC	Cung cấp dịch vụ	1.822.361.067	2.736.977.800
Công ty TNHH Du lịch TTC	Cung cấp dịch vụ	1.503.893.434	1.830.483.035
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Cung cấp dịch vụ	1.441.249.974	2.510.481.246
Công ty TNHH Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Cung cấp dịch vụ	930.461.528	1.508.854.882
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Cung cấp dịch vụ	622.407.768	3.909.072.848
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	Cung cấp dịch vụ	338.271.608	338.271.608
Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	Cung cấp dịch vụ	103.827.757	80.358.757
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	Cung cấp dịch vụ	78.400.000	39.760.000
Công ty Cổ phần Du lịch Vinagolf Angkor	Cung cấp dịch vụ	44.908.600	44.908.600
Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân	Cung cấp dịch vụ	3.738.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Cung cấp dịch vụ	1.573.000	1.472.845.018
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>16.381.685.002</b>	<b>21.982.440.657</b>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>			
Công ty TNHH Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Mua dịch vụ	44.613.423.201	6.092.989.383
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Mua dịch vụ	21.834.967.144	3.570.946.628
Công ty TNHH Du lịch TTC	Mua dịch vụ	12.316.784.319	24.600.095.363
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Mua dịch vụ	9.820.732.823	8.668.306.405
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Mua dịch vụ	3.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Mua dịch vụ	1.381.447.187	3.014.024.868
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	Mua dịch vụ	1.139.910.259	3.664.115.833
Công ty Cổ phần Nhà hàng Ngọc Lan Đình	Mua dịch vụ	23.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>94.130.264.933</b>	<b>49.610.478.480</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn (*)</b>			
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Cho vay	55.890.000.000	55.930.000.000
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	Cho vay	49.290.500.000	30.567.500.000
Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân	Cho vay	7.000.000.000	7.000.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Cho vay	1.100.000.000	-
Công ty TNHH Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Cho vay	160.000.000	50.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b><u>113.440.500.000</u></b>	<b><u>93.547.500.000</u></b>

(\*) Chi tiết các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn tín chấp và không có tài sản đảm bảo tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 được trình bày như sau:

Bên đi vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày đáo hạn	Lãi suất
			VND
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	55.890.000.000	Từ ngày 2 tháng 7 năm 2024 đến ngày 31 tháng 5 năm 2025	Từ 9,5 đến 12,0
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	49.290.500.000	Từ ngày 24 tháng 7 năm 2024 đến ngày 13 tháng 6 năm 2025	Từ 9,5 đến 13,0
Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân	7.000.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	11,0
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	1.100.000.000	Ngày 26 tháng 6 năm 2025	9,5
Công ty TNHH Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	160.000.000	Ngày 28 tháng 6 năm 2025	9,5
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>113.440.500.000</u></b>		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Phải thu về cho vay dài hạn (*)</b>			
Công ty TNHH Du lịch TTC	Cho vay	47.910.651.921	206.054.706.846
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Cho vay	42.000.000.000	42.000.000.000
Công ty TNHH Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Cho vay	-	41.655.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>89.910.651.921</b>	<b>289.709.706.846</b>

(\*) Chi tiết các khoản phải thu về cho vay dài hạn tín chấp và không có tài sản đảm bảo tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 được trình bày như sau:

Bên đi vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày đáo hạn	Lãi suất
			VND
Công ty TNHH Du lịch TTC	47.910.651.921	Ngày 19 tháng 5 năm 2027	15,06
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	42.000.000.000	Ngày 9 tháng 1 năm 2026	15,06
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>89.910.651.921</b>		

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Phải thu dài hạn khác</b>			
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Phải thu góp vốn hợp tác kinh doanh	34.750.000.000	34.750.000.000
Công ty TNHH Du lịch TTC	Lãi cho vay	34.399.300.889	23.472.190.036
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>69.149.300.889</b>	<b>58.222.190.036</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>			
Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân	Đặt cọc	57.500.500.000	57.500.500.000
	Lãi cho vay	1.284.410.966	900.465.759
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Phải thu hợp tác kinh doanh	11.993.305.479	9.952.554.519
	Lãi cho vay	11.840.650.792	5.477.458.141
	Thu chi hộ	2.329.370.500	1.835.405.500
Công ty TNHH Du lịch TTC	Thu chi hộ	16.722.178.674	2.083.183.754
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	Lãi cho vay	10.087.263.928	6.783.108.207
	Thu chi hộ	1.683.411.950	639.497.000
Công ty TNHH Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Thu chi hộ	13.451.241.044	2.165.458.126
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Lãi cho vay	-	628.680.270
	Thu chi hộ	6.380.374.880	2.653.732.945
	Lãi cho vay	7.301.782	-
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Thu chi hộ	5.615.051.016	74.442.472
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Thu chi hộ	373.879.709	334.689.709
Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC	Thu chi hộ	60.480.000	60.480.000
Công ty TNHH Thành Thành Công Đà Lạt	Thu chi hộ	4.845.400	4.845.400
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>139.334.266.120</b>	<b>91.094.501.802</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>			
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	Mua dịch vụ	7.998.899.450	242.957.000
Công ty TNHH Du lịch TTC	Mua dịch vụ	1.771.876.511	191.650.632
Công ty TNHH Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Mua dịch vụ	915.026.938	657.192.552
Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC	Mua dịch vụ	702.126.995	1.407.420.235
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Mua dịch vụ	329.516.760	1.186.306.326
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Mua dịch vụ	178.012.962	2.178.012.962
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Mua dịch vụ	131.214.302	85.317.300
Công ty TNHH Du lịch TTC Huế	Mua dịch vụ	100.900.000	302.119.000
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Mua dịch vụ	95.258.369	1.206.698.290
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Mua dịch vụ	41.786.000	30.586.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>12.264.618.287</b>	<b>7.488.260.297</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>			
Công ty TNHH Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Cung cấp dịch vụ	39.570.148.815	22.186.489.523
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Cung cấp dịch vụ	4.901.000.000	8.301.000.000
Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	Cung cấp dịch vụ	4.133.000.000	7.433.000.000
Công ty TNHH Du lịch TTC Huế	Cung cấp dịch vụ	2.550.000.000	3.150.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Cung cấp dịch vụ	3.794.000	603.794.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b><u>51.157.942.815</u></b>	<b><u>41.674.283.523</u></b>
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>			
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Lãi vay	12.450.935.640	10.022.208.231
	Thu chi hộ	636.641.000	615.991.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu Thép Đại Tín	Lãi vay	6.903.810.163	-
Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC	Đặt cọc Khác	1.200.000.000 21.514.876	1.400.000.000 21.514.876
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Lãi vay	590.801.095	-
	Thu chi hộ	195.755.000	158.745.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Lãi vay	533.200.001	2.515.772.601
Công ty TNHH Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Thu chi hộ	128.388.000	43.200.000
Công ty TNHH Du lịch TTC	Thu chi hộ	92.617.000	64.732.000
Công ty TNHH Du lịch TTC Huế	Thu chi hộ	6.000.000	6.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Thu chi hộ	3.000.000	-
	Lãi vay	1.553.425	1.553.425
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Thu chi hộ	1.285.000	144.000
Công ty Cổ phần Nhà hàng Ngọc Lan Đình	Chi phí được chia từ BCC	-	622.300.000
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	Thu chi hộ	-	84.854.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b><u>22.765.501.200</u></b>	<b><u>15.557.015.133</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Phải trả dài hạn khác</b>			
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Phải trả theo Thỏa thuận Hợp tác	46.350.000.000	46.350.000.000
Công ty TNHH Thành Thành Công Đà Lạt	Nhận bàn giao tài sản Chi hộ	11.690.384.304 229.020.412	11.690.384.304 229.020.412
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>58.269.404.716</b>	<b>58.269.404.716</b>
<b>Vay dài hạn</b>			
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Vay	23.480.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu Thép Đại Tín	Vay	12.078.104.808	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Vay	6.979.782.200	1.640.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Vay	3.290.000.000	35.800.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>45.827.887.008</b>	<b>37.440.000.000</b>

(\*) Chi tiết các khoản vay dài hạn tín chấp và không có tài sản đảm bảo tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 được trình bày như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày đáo hạn	Lãi suất
	VND		%/năm
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	23.480.000.000	Từ ngày 25 tháng 3 năm 2026 đến ngày 28 tháng 3 năm 2026	9,5
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu Thép Đại Tín	12.078.104.808	Từ ngày 31 tháng 3 năm 2026 đến ngày 27 tháng 4 năm 2026	Từ 9,5 đến 10
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	6.979.782.200	Từ ngày 9 tháng 4 năm 2026 đến ngày 26 tháng 12 năm 2026	Từ 9,5 đến 10
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	3.290.000.000	Từ ngày 26 tháng 6 năm 2025 đến ngày 17 tháng 1 năm 2030	10,0
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>45.827.887.008</b>		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

***Các nghiệp vụ với các bên liên quan khác***

Thu nhập của các thành viên của HĐQT, Tổng Giám đốc và Ủy ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT:

Tên	Chức vụ	VND	
		Thu nhập (*)	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Bà Phan Thị Hồng Vân	Chủ tịch HĐQT	675.750.000	971.185.412
Bà Châu Thị Kim Phước	Tổng Giám đốc	845.597.100	838.745.046
Ông Đặng Đình Việt	Tổng Giám đốc đến ngày 6 tháng 2 năm 2023	-	307.486.567
Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn	Phó Chủ tịch HĐQT đến ngày 21 tháng 8 năm 2023	-	96.000.000
Bà Hồ Thị Phương Thảo	Thành viên HĐQT kiêm thành viên UBKT đến ngày 24 tháng 4 năm 2024	-	96.000.000
Ông Vũ Viết Bản	Thành viên HĐQT kiêm thành viên UBKT đến ngày 24 tháng 4 năm 2024	-	96.000.000
Bà Nguyễn Thùy Vân	Thành viên độc lập HĐQT kiêm Chủ tịch UBKT	-	96.000.000
Ông Nguyễn Lê Hùng	Phó Chủ tịch HĐQT từ ngày 24 tháng 4 năm 2024 Thành viên HĐQT đến ngày 24 tháng 4 năm 2024	-	-
Bà Trần Thiện Thanh Thùy	Thành viên HĐQT kiêm thành viên UBKT từ ngày 24 tháng 4 năm 2024	-	-
Bà Huỳnh Thị Nga	Thành viên HĐQT kiêm thành viên UBKT từ ngày 24 tháng 4 năm 2024	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.521.347.100</b>	<b>2.501.417.025</b>

(\*) Bao gồm tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**32. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

***Cam kết thuê hoạt động***

Công ty hiện đang thuê văn phòng và đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Dưới 1 năm	757.934.400	739.401.600
Từ 1 – 5 năm	1.231.737.600	1.829.273.067
Trên 5 năm	<u>3.711.458.400</u>	<u>3.415.339.200</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5.701.130.400</u></b>	<b><u>5.984.013.867</u></b>

**33. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ngoại tệ - USD	1.934,89	1.944,64

**34. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

 _____ Nguyễn Thị Lan Phương Người lập	 _____ Bùi Tấn Khải Kế toán trưởng	 _____ Châu Thị Kim Phước Tổng Giám đốc
--	--	--



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024